

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/09/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+TD5	7:25	13+9	0+0		9+13	0+0	
2		TD3+CLI+BK5	7:25	22+0+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	CHUYEN 2 TD3 CLI
3		TD3+VSP02+TD5	7:25	8+2+12	0+0+0		8+0+14	0+0+0	
4		P2+BK8+BK10	9:25	12+0+10	0+0+0		8+0+9	0+0+0	CHUYEN 4 BK8 BK10
5		P10+BK15+MRM	9:25	15+5+2	0+0+0		12+5+5	0+0+0	
6		P10+P6+P8	9:25	19+3+0	0+0+0		18+2+2	0+0+0	
7		PPD+BK3+P11	9:25	14+4+4	0+0+0		3+5+4	0+0+0	
8		TTC2+P9+BK4	11:25	6+11+5	0+0+0		0+17+5	0+0+0	
9		P2+P10+P3	11:25	17+4+0	0+0+0		5+8+7	0+0+0	

TTĐĐSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 1	TO: P9 - TD5	CREW: ĐỨC - MTHẮNG - TSON	ETA: 09:30
TRANG-1			

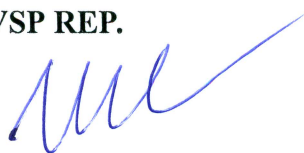
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VASYANKIN	P9	60	1	10		108	KH-THAC	Russian
2	PHẠM ĐỨC BÌNH	P9	61	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ MINH THUY	P9					80	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THANH HAI	P9	63	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN BA KY	P9					78	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ VĂN THOẠI	P9	57	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI NGOC THÂN	P9					74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ AN CHUNG	P9	19	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO THIÊN THUẬT	P9	64	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CAO CHÍ	P9	58	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ MINH THUY	P9	56	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC TÀI	P9	62	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT THẮNG	P9				20	72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIÊN*TT	TD5	80	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	82	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
16	HÀ THANH TÙNG	TD5	85-86	2	6		91	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN BẠCH TÙNG	TD5	78	1	3	70	71	KHOAN	Vietnamese
18	TU DƯƠNG DŨNG	TD5	77	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
19	CAO ĐỨC HẢI	TD5	79	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN CAO HOÀNG	TD5	84	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM XUÂN HẢI	TD5	81	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH CÔNG	TD5	83	1	6		85	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	13	9	50	970	20	13		
2	TD5	9	10	43	688	70	5		
TOTAL		22	19	93	1.658	90	18		
WEIGHT KG				93	1.658	90			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2020	TO: TD3 - CLI - BK5	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Nam - NPhú - THỤ	ETA: 09:15
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VƯƠNG QUỐC THÁI*TT	TD3	86	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG VAN THUONG	TD3	90	1	5	35	72	KHOAN	Vietnamese
3	VU TRONG NGHIA	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
4	NGO DUY THANH	TD3	32	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẠNG HỮU TÀI-PVD	TD3	31	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM VĂN QUAN*CAM-PVDT	TD3	85	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN BIÊN	TD3	91	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	89	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HOANG NAM	TD3	30	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ NGỌC THANH	TD3	35	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN TRỌNG BẰNG	TD3	83	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẠO LÊ XUÂN SƠN	TD3	87-88	2	10		73	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG THANH TU	TD3					85	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM THANH DŨNG	TD3	95	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	84	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
16	ARKHIPOV	TD3	82	1	20		103	ANTOAN	Russian
17	PHẠM VĂN HUNG	TD3	92-94	3	18		72	T-TIN	Vietnamese
18	PHẠM VĂN ĐỨC	TD3	96	1	5		75	T-TIN	Vietnamese
19	QUACH VAN THAO	TD3	29,99	2	8		75	YTE	Vietnamese
20	LUONG XUAN ĐƯỢC	TD3	97	1	5		68	PSV	Vietnamese
21	QUACH ĐẠCH THẠ	TD3	98	1	4		50	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN PHU QUANG	TD3	36	1	4		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	24	146	1.600	35	18	+2	CHUYEN 2 KHACH TU TD3 SANG CLI
2	CLI	0	0	0	0	35	0		
3	BK5	0	0	0	0	40	4		
TOTAL		22	24	146	1.600	110	22		
WEIGHT KG				146	1.600	110			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: TD3 - VSP02 - TD5	CREW: VThắng - QViệt - Luy	ETA: 09:20
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ ĐẠI ĐÌNH	TD3	16	1	6		65	PSV	Vietnamese
2	HOANG VAN THANG	TD3	17	1	5		52	PSV	Vietnamese
3	ĐỖ XUÂN CHÍNH	TD3	21	1	8		65	PSV	Vietnamese
4	PHẠM VĂN DUẬN	TD3	20	1	2		75	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN HẠNH	TD3	18	1	10		73	PSV	Vietnamese
6	ĐOÀN TRUNG KIẾN	TD3	23	1	7		60	PSV	Vietnamese
7	LƯƠNG MẠNH HƯƠNG	TD3	19	1	5		65	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD3	2	1	5		60	PSV	Vietnamese
9	BUI SONG TOÀN	VSP02	95	1	8		72	ĐANG KIỆ	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG KHANH	VSP02	96	1	8		85	ĐANG KIỆ	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	90	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU HOÀN	TD5	099	1	8		81	KHOAN	Vietnamese
13	LUU XUAN HANH	TD5	098	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
14	KARAVKA IVAN	TD5	99,900	2	14		107	KHOAN	Russian
15	SOROKA ANTOLY	TD5	96	1	10		108	KHOAN	Russian
16	ALEKHIN	TD5	97	1	5		99	KHOAN	Russian
17	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	95	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ THANH LAM	TD5					69	KHOAN	Vietnamese
19	PHÙNG NGUYỄN NGỌC	TD5	94	1	4		86	KHOAN	Vietnamese
20	KHUẤT NGỌC THẮNG	TD5	92-93	2	12	61	79	D-HANH	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC HÙNG	TD5	91	1	10		77	D-HANH	Vietnamese
22	PLAKHOTNHIUK	TD5	98	1	7		89	VTB	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	8	8	48	515	0	8		
2	VSP02	2	2	16	157	0	0		
3	TD5	12	13	84	1.009	61	14		
TOTAL		22	23	148	1.681	61	22		
WEIGHT KG				148	1.681	61			

GRAND TOAL: 1.890 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	TO: P2 - BK8 - BK10	CREW: Hạnh - Mạnh - DTùng	ETA: 11:10
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BẢO TOÀN	P2	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	AFANASEV	P2	27	1	7		100	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P2	19	1	15		78	KH-THAC	Vietnamese
4	CAO VĂN ĐÀU	P2	20	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO VĂN ĐỨC	P2	25	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ CÔNG KHANG	P2	24	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ THANH LONG	P2	21	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	DUƠNG VĂN THUẬN	P2	22	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ VĂN THỌ	P2	18	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU PHI	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ ANH NGỌC	P2	26	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN KHẮC CĂN	P2	23	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	09	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ XUÂN THUY	BK10	10	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ TUẤN HÙNG	BK10	06	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ TRỌNG LINH	BK10					80	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN CÔNG THANH	BK10	05	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH PHONG	BK10	07	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TRỌNG	BK10	11	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN NGHI	BK10	12	1	12	90	70	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN DUY KHANH	BK10	19-20	2	15	35	70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	08	1	5		79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	12	11	79	860	0	6		CHUYEN 4 PAX BK8 SANG BK10
2	BK8	0	0	0	0	0	2 + 4		
3	BK10	10	10	67	725	125	9		
TOTAL		22	21	146	1.585	125	17		
WEIGHT KG				146	1.585	125			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: P10 - BK15 - MRM	CREW: ĐỨC - MTHẮNG - TSON	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	P10	13	1	15	48	80	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM NGỌC THẮNG	P10	11-12	2	19		69	XAYLAP	Vietnamese
3	PHUNG QUANG ĐẠI	P10	01-02	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN BA ĐỒNG	P10	14	1	8		64	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG DANH	P10	04-05	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
6	THAI VĂN TUẤN	P10	10	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ ANH QUỐC	P10					75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	03	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ QUANG HÙNG	P10	15-16	2	7		64	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM HUYNH VŨ	P10					67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN BẢO LÂM	P10	06	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN NAM	P10	09	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN ĐĂNG TUẤN	P10	08	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TẤT THÀNH	P10	07	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	BK15	17	1	4	35	55	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ NGỌC NGUYỄN	BK15	14-15	2	15		81	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	BK15	16	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU LƯU	BK15	18	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN PHƯƠNG	BK15	19	1	3		61	PSV	Vietnamese
20	TRẦN BUI NAM	MRM	07	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
21	HO VAN AN	MRM	08	1	9		63	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN VAN LINH	MRM	06	1	5		66	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	14	16	110	953	48	11		
2	BK15	5	6	33	335	35	5		
3	MRM	3	3	19	186	0	6		
TOTAL		22	25	162	1.474	83	22		
WEIGHT KG				162	1.474	83			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: MI	TO: P10 - P6 - P8	CREW: Nam - NPhú - THỤ	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM DUY QUẢNG	P10	56	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ANH KHOA	P10	50	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ CHÍ HIỂU	P10	68	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	46	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P10	66	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	65	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P10	53	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NAM	P10	57	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
9	TRƯƠNG VĂN MINH	P10					80	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM HIỂU LIÊM	P10	49	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN LỢI	P10	62	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THỂ HẠNH	P10	67	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH THANH TAM	P10	63-64	2	13		80	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG XUAN KIEN	P10	71	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN TRỌNG	P10	51-52	2	15		80	XAYLAP	Vietnamese
16	HOÀNG VĂN BA	P10	54-55	2	18		74	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐỖ TIẾN MẠNH	P10	47-48	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TRƯỞNG	P10	60-61	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
19	LE HOAI THANH	P10	58-59	2	17		61	YTE	Vietnamese
20	HÀ VĂN TRƯỞNG	P6	41	1	8		55	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN HỒ QUANG	P6	42	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ SỸ HUỆ	P6	43-44	2	8		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	19	24	168	1.346	40	18		
2	P6	3	4	26	180	0	2		
3	P8	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	28	194	1.526	40	22		
WEIGHT KG				194	1.526	40			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 7	TO: PPD - BK3 - P11	CREW: VThắng - QViệt - Luy	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ VĂN CẢNH	PPD	01	1	10		62	KHI	Vietnamese
2	HÀ QUANG TRUNG	PPD	02	1	10		52	KHI	Vietnamese
3	LUƠNG VĂN BÁC	PPD	03-04	2	10		77	KHI	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN LUÂN	PPD	07-08	2	11		73	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	05	1	5		59	KHI	Vietnamese
6	VŨ VĂN THƯƠNG	PPD	20	1	8	112	75	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH HOAN	PPD	21	1	5		53	KHI	Vietnamese
8	PHẠM VĂN ĐỨC	PPD	19	1	8		75	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG HÂN	PPD	18	1	9		75	KHI	Vietnamese
10	HOÀNG TRỌNG SƠN	PPD	16-17	2	12		60	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU VIỆT	PPD	06	1	7		70	ANTOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	PPD	09	1	6		52	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG THÀNH	PPD	11	1	7		70	ANTOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	PPD	10	1	5		65	ANTOAN	Vietnamese
15	VŨ DUY KHUÔNG	BK3	06-07	2	11	50	61	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	BK3	04	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ NGỌC THẮNG	BK3	05	1	14		81	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC TUÂN	BK3	08	1	5		75	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG HẢI	P11	82	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	P11	81	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	LUƠNG XUÂN THAI	P11					72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN LINH	P11	83	1	6	15	66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	14	17	113	918	112	13		
2	BK3	4	5	33	287	50	5		
3	P11	4	3	16	278	15	4		
TOTAL		22	25	162	1.483	177	22		
WEIGHT KG				162	1.483	177			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:30
FLIGHT: 8	TO: TTC2 - P9 - BK4	CREW: Hạnh - VLinH - DTùng	ETA: 13:10
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH XUÂN TÍNH	TTC2	63-64	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN DUC HUY	TTC2	62	1	7		60	XAYLAP	Vietnamese
3	TÔ QUỐC TUẤN	TTC2	65	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
4	NGÔ XUÂN TUẤN	TTC2	61	1	8		67	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐẶNG ANH TÚ	TTC2	66-67	2	11		69	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ CÔNG THỜI	TTC2	60	1	11		62	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HÀ	P9	68	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN DŨNG	P9	65	1	2		53	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN BĂNG	P9	72	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC LƯỢNG	P9	74	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ SỸ BÌNH	P9	67	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ NGỌC THANH	P9	69	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HAI	P9	66	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN TÙNG	P9	75-76	2	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P9	70-71	2	8		82	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VĂN LỢI	P9	73	1	5		73	YTE	Vietnamese
17	NGÔ ĐĂNG ĐỨC	BK4					69	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN DŨNG	BK4	800	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ BÀ TUẤN	BK4	99	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TIẾN	BK4	90	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM XUÂN MẠNH	BK4	98	1	4	45	60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	6	8	67	388	0	0		
2	P9	10	12	43	691	0	17		
3	BK4	5	4	14	338	45	5		
TOTAL		21	24	124	1.417	45	22		
WEIGHT KG				124	1.417	45			

GRAND TOAL: 1.586 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 9	TO: P2 - P10 - P3	CREW: Nam - N.Anh - THỤ	ETA: 13:15
vang-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY NGỌC	P2	03	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM THANH KIM	P2	12	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ CÔNG LƯU	P2	10	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THẾ ANH	P2	08	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC TÂN	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUY TOÀN	P2				70	65	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ THANH HẢI	P2	09	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO QUANG THIẾT	P2	11	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ANH VŨ	P2	13	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	07	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN MINH XANH	P2	02	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HAI HOÀN	P2	06	1	5		65	PSV	Vietnamese
14	VUÔNG ĐỨC HUY	P2	04	1	10		95	PSV	Vietnamese
15	LÊ HỮU TỬ	P2	18	1	9		60	PSV	Vietnamese
16	TRẦN MẠU SƠN	P2	05	1	5		74	PSV	Vietnamese
17	TRẦN VĂN THUẬT	P2	01	1	4		65	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC TUYẾN	P10	25-26	2	18		80	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI MẠNH HÀ	P10	27-28	2	12		90	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ ĐỨC VIỆT	P10	23-24	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN KHÁC QUANG	P10	21-22	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC HẠO	P10	20	1	8		80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	17	14	108	1.181	70	5		
2	P10	5	9	74	385	0	9		
3	P3	0	0	0	0	30	7		
TOTAL		22	23	182	1.566	100	21		
WEIGHT KG				182	1.566	100			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN